

Trốn Trại qua Campuchia

Nguyễn Ngọc Thạch (Khóa 20 Võ Bị Đà Lạt)

Tôi dự định nếu không tìm được đường đi bằng ghe tàu, thì như đã hẹn với Thu và Bình, là sau một tháng chúng tôi sẽ gặp lại nhau, để bàn tính để đi bằng đường bộ. Vợ tôi lại xuống một lần nữa và lần này có cả đứa con gái đầu lòng của tôi. Coi như vậy là tôi ở đây được một tuần lễ và vợ tôi đem tiền xuống lần này là để mua vé xe cho tôi đi Cà Mau vào sáng sớm mai, vì hy vọng ở Cà Mau dễ kiếm đường vượt biên hơn. Bất ngờ ngay buổi chiều hôm đó vào khoảng 7 giờ, thì có một người anh bà con cô cậu, đi cùng với một người bạn, xuống thăm để từ giã Má tôi, để sáng sớm mai họ lên đường đi Kampuchia, và từ đó sẽ tìm đường vượt biên, và anh muốn xin địa chỉ của em tôi, hiện đang sống ở Mỹ, để anh liên lạc khi cần. Thật là một điều quá may mắn cho tôi vì sau khi anh biết tôi vừa mới trốn về nên anh kéo tôi đi theo luôn.



Thế là phải trở về Sài Gòn ngay trong đêm nay để sáng sớm mai lên đường đi Kampuchia. Tôi từ giã Má tôi và để đứa con gái đầu lòng ở lại với Bà Nội. Tôi và vợ tôi đi theo Long và Nghĩa ra đón xe để về Sài Gòn. Tôi ra đi mà lòng buồn vô hạn, rồi không biết sẽ đi tới đâu trên bước đường bôn ba vô định này. Ở lại Mỹ Tho thì không được, mà đi qua Campuchia thì cũng không biết ra sao, thật là đau lòng trước cảnh chia tay, rồi đây không biết có còn được gặp lại nhau. Trong đêm đó hai bà cháu đã tụng niệm suốt đêm để cầu nguyện cho chuyến đi của tôi được bình an. Trời đã tối lúc đó khoảng 9 giờ đêm nên không còn xe chạy về Sài Gòn. Chúng tôi đón chiếc xe lôi đạp để đi vô ngã ba

Trung Lương, hy vọng ở đó sẽ có nhiều xe miền Tây lên, để đón hơn.

Ông xe lôi, đạp không muốn nổi, vì trên xe có tới 4 người, nên chúng tôi phải thay phiên nhau nhảy xuống để đẩy phụ, nhứt là khi lên dốc cầu Trung An, thì phải nhảy xuống hết rồi qua cầu mới nhảy lên lại. Vô tới ngã ba Trung Lương là trời đã tối, nên không còn thấy xe miền Tây nào hết, mà chỉ thấy có một chiếc xe hàng bị hư máy và người tài xế đang sửa chữa. Chúng tôi mon men lại gần tìm cách làm quen rồi dọ hỏi xin quá giang về Sài Gòn, nhưng ông tài xế nhìn chúng tôi như nghi kỵ điều gì nên lắc đầu trả lời một cách sẵn giọng là xe đang hư mà làm sao cho quá giang được, vì vậy chúng tôi lại lủi thủi đi tiếp. Ở đây có một trạm công an khá lớn để xét xe từ miền Tây lên, nên có nhiều công an ở đồn bót này, nên trong đêm tối mà đi lang thang ở đây cũng nguy hiểm lắm. Tình cờ có một chiếc xe lô chạy từ Mỹ Tho lên hướng về Sài Gòn, chúng tôi mừng quá đón ngoắc lại nhưng xe không ngừng mà chạy luôn một khoảng, rồi bỗng đâu xe dừng lại và lủi lại cho chúng tôi quá giang. Bác tài chỉ cho đi quá giang một quãng đường lên đến Tân Hương để đón xe khác mà đi, vì xe này đi về nhà để nghỉ nên không có đi Sài Gòn.



Trong khi xe đang chạy và qua tài giao thiệp của anh Long, cũng là lơ xe, nên anh biết nhiều người trong nghề xe đồ nên câu chuyện dần dần trở nên thân mật và bác tài dần dần có cảm tình với chúng tôi. Và sẵn đó anh Long đề nghị bao xe đi Phú Lâm rồi bạn về anh sẽ phụ giúp tìm khách cho chuyến trở về. Vợ tôi móc trong túi ra đếm còn 200 đồng nên đề nghị bao xe 200 đồng và nhờ anh Long nói thêm vô, nên sau cùng bác tài chịu đi Phú Lâm với giá 200 đồng. Thật là hết sức may mắn, chớ nếu tới Tân Hương chưa chắc gì có xe để đi, mà nếu không lên kịp Sài Gòn trong đêm nay thì ngày mai xe sẽ đi sớm rồi, sẽ mất đi một dịp may hiếm có ngàn vàng. Khi xe chạy qua khỏi trạm công an Tân Hương một quãng, thì gặp một tốp công an ra chặn đường. Tôi thấy nguy vì trên xe không có ai khác, chỉ có gia đình tôi, nên rất khó xoay sở trà trộn. Tôi có ý dò hỏi bác tài coi tính sao, nhưng bác tài cho biết là xe không có ngừng đâu vì tụi này là tụi chuyên chặn xe dọc đường để ăn cướp, bác tài rất rành về bọn này. Tôi nghe thế cũng thấy mừng thêm, vì thà là chạy luôn nó có bắn theo cũng khó trúng. Bác tài cho xe giảm tốc độ rồi khi đến gần bọn chúng thì tổng hết ga vượt nhanh qua, nên chúng tôi trở tay không kịp, nên xe chạy vượt qua một cách êm xuôi. Nhưng tôi lại lo cho trạm kiểm soát kế tiếp sợ tụi nó gọi máy báo lên chặn bắt xe lại thì còn nguy hiểm hơn. Tôi hỏi ý bác tài thì bác tài nói là tụi nó đâu có máy móc gì đâu mà báo dừng có lo, nên tôi càng yên tâm tin tưởng bác tài muôn phần. Xe qua khỏi Tân An,

Bến Lức, Bình Chánh rồi vào Phú Lâm một cách êm xuôi.

Sau khi trả tiền xe xong xuôi là chúng tôi chạy đi ngay vì trời đã tối rồi mà còn phải chạy lo kiếm mượn tiền để đi. Chúng tôi về nhà của Nghĩa cũng ở gần đó, vợ chồng tôi mượn chiếc xe đạp để đạp vô Phú Thọ. Vô tới nhà chị Đồ là đúng nửa đêm, giờ giờ nghiêm. Chị Đồ không có sẵn vàng chị rút chiếc nhẫn đang đeo trên tay 2 chỉ vàng đưa cho tôi mượn đỡ. Tôi đạp xe đạp chở vợ tôi trở về nhà của Nghĩa trong lúc đã quá giờ nghiêm nên cũng sợ bị hỏi giấy tờ hay bị bắt lại thì trở chuyển xe sáng sớm mai đi. Tôi đạp xe lên dốc cầu Minh Phụng không nổi, vợ tôi phải xuống xe đẩy phụ qua cầu, người của tôi lúc đó rất là ốm yếu xanh xao.

Về tới nhà Nghĩa, là chúng tôi phải đi ngay đến chỗ đậu xe, để kịp chui vô trong xe sắp xếp trước khi trời sáng. Đây là chiếc xe hàng dân sự bị VC trưng dụng để chở chiếu qua Nam Vang tiếp tế cho bộ đội VC bên Kampuchia. Long là lơ xe của chiếc xe này nên mới đầu. Nghĩa và tôi vô trong đồng chiếu mà tài xế không hay biết gì. Sau khi sắp lại đồng chiếu, vạch ra một lỗ vừa đủ để hai đứa tôi chui vô, xong rồi Long mới gác hai cây gỗ đã ngang trên đầu rồi sắp chiếu phủ kín lên như cũ rất là kín đáo. Chúng tôi đem theo một bình nước và hai ổ bánh mì với một gói muối. Ngoài hai chỉ vàng của chị Đồ cho mượn, vợ tôi đưa luôn chiếc nhẫn cưới đang đeo ở tay đưa cho tôi, như vậy tôi mang luôn hai chiếc nhẫn cưới. Lúc đó cũng khoảng 3,4 giờ sáng, vợ tôi và má của Nghĩa cũng vẫn còn ngồi đầu đó để chờ sáng ra xe chạy.

Long ngồi ở ngoài nên có cho tụi tôi biết là vợ tôi và má của Nghĩa khóc nhiều lắm, vì không biết chúng tôi đi làm sao, vì không ai có tiền hay có vàng đem theo, không biết rồi sẽ đi đến đâu. Riêng tôi thì tôi quyết ra đi mặc dầu không biết ra sao, nhưng vẫn còn tốt hơn là ở lại Việt Nam. Sáng sớm hôm sau xe rời bến để đi Nam Vang, nhìn qua khe ván ở sàn xe trời còn lờ mờ nghe tiếng người nói lao xao mới biết là vừa qua khỏi Ngã Tư Bảy Hiền. Khi đến trạm kiểm soát biên giới thì họ chỉ xét qua loa vì đây là chuyến xe công tác chở đồ cho bộ đội VC. Xe chạy càng nhanh đồng chiếu trên đầu càng đe nặng, vì cây gỗ chặn trên đầu không còn ở nguyên vị trí cũ, mà vì sự lắc lắc của chiếc xe đã làm lệch đi và hai đứa tôi phải đưa lưng chống đỡ sức nặng bên trên đè xuống. Tệ hại hơn nữa là dọc đường VC đón xe đi quá giang nên họ ngồi trên đầu chúng tôi. Nghe tiếng họ nói chuyện với nhau thì biết là VC đang ngồi ở ngay trên đầu mình. Chúng tôi phải rón rồn đưa lưng ra chịu đựng, vì chỉ sợ nó sụp xuống thì bị lộ ngay, rất là nguy hiểm. Khi tiểu tiện thì phải đợi lúc xe chạy nhanh rồi mới dám tiểu qua khe hở của ván sàn xe mà phải tiểu từ từ để bên ngoài không thấy không biết.

Đến chiều thì xe tới nơi đậu vào một chỗ nào đó mà tôi nghe có tiếng nhạc của những bản nhạc ngày xưa. Tôi mừng thầm vì được nghe lại những tiếng hát quen thuộc đầm ấm nồng nàn tràn đầy kỷ niệm của ngày trước. Tiếng nhạc hòa lẫn tiếng người nói chuyện lao xao gần bên cạnh xe. Chúng tôi vẫn nằm im trong xe chờ khi nào có hiệu lệnh của Long thì mới ra được. Một hồi lâu sau khi bên ngoài hoàn toàn im vắng và khi nghe ba tiếng hiệu lệnh của Long thì chúng tôi chui ra. Khi nhảy xuống xe, tôi không thể đứng được vì bị ngồi lâu trong thế co ro nên chân bị tê cứng, mà Long thì thúc hối phải đi khỏi nơi đây ngay vì sợ tài xế và an ninh đoàn xe họ biết, nên tôi và Nghĩa phải cố lết đi ra khỏi xe thật xa. Nhìn chung quanh, đây là một bồn binh khá lớn ở cuối đại lộ, bên cạnh một sân vận động, xe đậu một đoàn dài chừng vài chục chiếc, tài xế và lơ xe khá đông, có nhiều xe họ mang theo cả gia đình vợ con với đồ đoàn nồi niêu song chảo, nên tôi thấy cũng dễ trà trộn ẩn thân. Tối đó tôi và Nghĩa ngủ ở một đám cỏ bên cạnh đường khoảng giữa đoàn xe và không dám gần xe nào cả vì sợ họ báo với an ninh đoàn xe.



Ngay tối hôm sau, tôi bán chiếc nhẫn cưới được 75 đồng Riel, tiền Kampuchia, và nhờ Long môi giới mời một số tài xế lơ xe ra quán nước uống cà phê nghe nhạc, để tìm cách lân la làm quen gây cảm tình với họ. Tôi và Nghĩa đóng vai lơ xe, bạn với Long. Vì Nghĩa cũng là lơ xe nên nói chuyện dễ dàng, còn tôi thì cảm thấy hoàn toàn xa lạ, nên trong các câu giao tiếp tôi thường cười nhiều hơn là nói vì sợ bị bại lộ tông tích. Ban ngày thì ra chợ Nam Vang, bữa đầu thì đi bằng xe lôi cho mọi người thấy, và vì không biết đường, mấy lần sau thì đi bộ. Đi ngang qua mấy con đường rất đẹp với hai hàng cây phủ mát bên đường, với những ngôi biệt thự sang trọng kiến trúc theo kiểu villa của Pháp, giống như khu đường Duy Tân, Yên Đổ ở bên xứ mình. Mấy ngôi nhà sang trọng đó bây giờ là dinh của VC, treo cờ đỏ sao vàng và có lính canh trước cổng. Mỗi khi đi ngang qua thấy hơi chùng chân vì sợ nó hỏi giấy tờ bắt tử.

Uống nước phong tên ở gần đó, ăn cơm thì mua của mấy gánh bán hàng rong, cơm một đĩa 10 đồng Riel. Ra ngoài chợ thì đi lòng vòng coi nhìn cái này cái nọ cho hết thì giờ, thỉnh thoảng công an chạy ruợt đuổi bắt người ở trong chợ, làm mình cũng sợ giật mình. Tôi thì có ý định tìm mua một quyển sách địa lý để coi bản đồ vùng Battambang, Siem Rệp, vùng biên giới Thái Lan. Họ bày bán sách cũ rất nhiều nhưng đều là tiếng Miên. Tôi lựa xem mấy cuốn sách có hình bản đồ rồi mua một quyển. Nhưng vì tôi không biết tiếng Miên mà mua sách Miên trong đó có hình bản đồ địa lý, nên họ có ý nghi ngờ. Mua xong tôi lật đặt đi bộ về chỗ đậu xe vì sợ họ báo với công an chợ.

Sau khi nghiên cứu bản đồ để biết địa thế, đường đi nước bước, cũng như khoảng cách bao xa. Tôi cố học thuộc lòng vùng Battambang, Siem Rep, vùng gần biên giới Thái Lan, rồi xé bỏ quyển sách đó ngay. Lúc bấy giờ bên Miên hoàn toàn do VC kiểm soát, thỉnh thoảng có mấy tên lính Miên trẻ mặt còn non choẹt, mang khẩu AK dài đưng tới đất. Ở đây họ mắc loa phóng thanh cứ sáng sớm và chiều tối là nghe tiếng nhạc Miên, một âm điệu đều đều nghe buồn não ruợt, nghe nhớ nhà, nhớ vợ nhớ con, nhớ quê hương mình vô cùng. Cuộc đời tôi cũng không ngờ lại lưu lạc đến nơi đây, xứ lạ quê người, rồi cũng không biết ngày mai sẽ ra sao. Nghĩ lại thân phận mình, lêu bêu bình bồng, mà cảm thấy buồn vô hạn.

Tôi lần la mấy quán nước làm quen hỏi chuyện để tìm đường đi, thì được biết là xe lửa chạy từ Nam Vang lên Battambang đã bị giật mình không còn chạy nữa, bây giờ chỉ còn đường xe, nhưng VC đặt rất nhiều nút chặn kiểm soát để chặn bắt đào binh, nên rất khó mà lọt qua được. Tôi ra phía đầu thành phố đường đi về hướng Battambang để xem trạm kiểm soát họ xét ra sao. Tôi thấy rất ít xe đi về phía đó và họ kiểm soát rất kỹ. Xe thì không thấy loại xe đồ chở khách, mà toàn là xe chở hàng hay xe quân sự. Vả lại tôi không biết tiếng Miên nên rất ít hy vọng thoát qua được, giá mà còn xe lửa thì tốt hơn. Ở đây được ba ngày thì nghe tin đoàn xe được lệnh đi xuống hải cảng Kompong Som tức là Sihanoukville. Tôi không biết hải cảng này ra sao, nhưng nghe nói ở đó có tàu ngoại quốc ra vào. Trước đó tôi có dọ hỏi đường lên Battambang, thì họ nói là phải có người dẫn đường và phải trả bằng vàng, ít nhất là hai lượng. Trong mình tôi chỉ được hai chỉ vàng thì làm sao mà đi và hơn nữa chúng tôi không biết tiếng Miên nên rất khó khăn, thành ra tôi đã bỏ ý định đi lên Battambang.

Bây giờ nghe tin đi xuống hải cảng Kampong Som thì tôi thấy cứ đi đại xuống đó rồi sẽ tính sau, dầu sao ở hải cảng cũng còn có hy vọng hơn. Buổi trưa hôm đó tôi và Nghĩa ra chợ mua một nải chuối, lên chùa Năm Tháp gần đó để cúng Phật, để cầu xin Đức Phật Từ Bi độ trì đưa đường dẫn lối cho chúng tôi thoát ra được khỏi nạn cộng sản. Sau khi quỳ lạy cầu nguyện Đức Phật xong, khi đứng lên là không còn thấy nải chuối đâu hết, mà trong lúc chúng tôi quỳ lạy thì có người tới chộp nải chuối đi mất thật là nhanh. Đêm đó suy tính cách theo xe để đi, vì Long bảo phải tìm xe khác mà đi, chứ không được đi theo xe cũ vì sợ tài xế biết.

Trong thời gian mấy ngày ở đó tôi cũng đã quen biết nhiều nên họ nhận cho tôi đi theo. Đoàn xe đi đến trạm kiểm soát thì ngừng lại để xét trước khi ra khỏi thành phố, nhưng vì đoàn xe này có sự vụ lệnh đi công tác xuống hải cảng để chở hàng cho bộ đội VC nên không bị lục soát hay hỏi han gì và qua trạm kiểm soát này một cách dễ dàng. Trên đường đi VC đóng đồn dọc theo đường, thỉnh thoảng đón xe quá giang, nhưng tôi ngồi phía trước chung với tài xế và lơ xe, nên rất là yên tâm. Trên xe bác tài có khoe một khẩu súng AK47 được phát cho mỗi xe, nhưng chưa chắc là bác tài đã biết sử dụng. Tôi nhớ bữa đó trời mưa tầm tã và xe bị hư máy phải dừng lại để sửa chữa, nhưng bác tài rất rành nghề chỉ sửa một chút là xong ngay, nhưng phải câu một bình xăng phụ ở bên ngoài.



Đến chiều thì xe đến hải cảng Kompong Som, xe dừng trước cổng trên con đường lộ đá dẫn vào hải cảng. Khi xe vừa đến nơi thì tài xế và lơ xe đi vô cổng một cách tự nhiên mà không bị hỏi giấy tờ gì hết, nên tôi, Long và Nghĩa cũng đi theo vô trong hải cảng một cách dễ dàng. Hải cảng này ở xa khu dân cư, có mấy lớp hàng rào kẽm gai bao bọc chung quanh, và một trạm kiểm soát tại cổng chính ra vào, với một số công an biên phòng VC canh gác. Đóng trên một ngọn đồi gần đó là một đồn công an biên phòng. Bên trong hải cảng là một bến đá, xây bằng đá tảng, để tàu cập bến. Tôi cố nhìn thật kỹ quanh bến tàu để tìm xem có chiếc tàu nào của nước tự do, nhưng tôi chỉ thấy toàn cờ đỏ

búa liềm, toàn cờ cộng sản, thật là thất vọng vô cùng. Gần bến tàu là hai nhà kho rất lớn bằng sắt cốt theo kiểu tiền chế của Mỹ. Có một đường rầy xe lửa, và ở phía trong xó góc có vài toa xe lửa bỏ không, không thấy người lai vãng, gần đó có một phong tên nước. Ở phía ngoài cổng bên cạnh con đường lộ đá là một cái ao khá

lớn, mà thỉnh thoảng thấy có công an đến câu cá. Chiều tối đó tôi trở ra xe để ngủ qua đêm.

Sáng sớm hôm sau xe vô đậu trước nhà kho lớn để chất hàng lên. Họ chất lên những bao bắp hạt do nhân đạo quốc tế viện trợ để cứu đói cho dân Kampuchia, nay thực phẩm đó được dùng để nuôi ăn cho bộ đội VC. Tôi chỉ còn bữa nay để đi lại thông thả trong hải cảng này, đến sáng mai khi đoàn xe đi rồi thì tôi không còn chuồng mặt ra đây được nữa, vì bọn công an thấy sẽ biết ngay. Chúng tôi đang lẩn la trong hải cảng thì bỗng có một chiếc tàu tuần của công an biên phòng VC vào cập bến để lấy nước ngọt ở cái phong tên nước. Khi đó họ có hỏi tụi tôi, có muốn mua mấy món đồ lậu như rượu, thuốc lá, đồng hồ, máy radio cassette v...v... Chúng tôi làm bộ nhận chịu, nhưng hẹn với họ ngày mai sẽ gom tiền cho nhiều để mua một lần cho tiện. Họ nghe nói thế tưởng là trúng mồi to. Sau khi lấy nước xong là họ đi, trước khi rời bến họ rủ chúng tôi lên tàu. Long nhanh chân nhảy lên trước, tôi còn đang lưỡng lự ngần ngừ, vì không biết họ đi đâu và đi làm cái gì, họ không nói gì cả, chỉ rủ lên tàu để đi thế thôi. Long đã ở trên tàu rồi nên thúc hối tôi lên tàu. Khi tàu mở dây cột tàu sắp chạy và vì sự thúc hối của Long nên tôi cũng nhảy lên theo, còn Nghĩa thì không đi. Tàu chạy ra ngoài, nghe họ kể về những chuyện đi bắt ghe tàu vượt biên. Họ đã bắt rất nhiều ghe tàu vượt biên và lên giọng rất là sát máu. Chúng nguyện rửa những người vượt biên là bọn phản quốc, chạy ra nước ngoài, bám chân đế quốc để ăn bơ thừa sữa cặn v.v... Tôi thầm nghĩ đến những chiếc ghe tàu vượt biên nếu bị chiếc tàu tuần này bắt, thì coi như là thân tàn ma dại. Có những chuyến ghe tàu vượt biên bị công an VC xả súng tàn sát mặc dầu họ biết đa số là đàn bà con trẻ.

Họ dẫn chúng tôi xuống hầm tàu để quảng cáo mấy món hàng mà chúng tôi hứa sẽ mua. Tàu chạy một lúc rồi cập bến vô đậu trong căn cứ hải quân của chúng, rồi bảo chúng tôi lên bờ. Tôi cứ tưởng là tàu trở lại bến cũ cho mình lên, ai dè lại vô căn cứ VC nên cũng hơi ngại ngại. Hai đứa tôi đi ra cổng và đi theo con đường lộ đá dẫn vô bờ. Căn cứ này nằm xa bờ chừng vài chục thước, có con đường lộ đá làm bằng những tảng đá núi mà xe loại lớn có thể chạy được. Vô tới bờ đi bộ ngược trở về hải cảng, dọc theo bờ biển thấy có một xóm chài, có một số tàu đánh cá, hai đứa tôi vô hỏi thăm. Lên một chiếc tàu thì gặp một người có mang một khẩu súng AK47, lỡ rồi nên tôi làm bộ hỏi để mua cá. Anh này người Miền gốc Việt nên nói được tiếng Việt. Anh ta ngó tới ngó lui rồi hỏi tụi tôi có muốn vượt biên không. Chắc có lẽ họ thấy bộ dạng mình vô đây là định tìm đường vượt biên nên mới hỏi thẳng như vậy. Thấy anh ta có súng thì hơi sợ, nhưng trong bụng thì muốn tìm cơ hội để đi, nên tôi cũng trả lời lưng chừng là bây giờ mà tính chuyện vượt biên đâu phải dễ, tụi tôi ở đoàn xe vận tải đang đi công tác ở hải cảng. Ông ta tiếp thêm là nếu muốn vượt biên thì ba ngày nữa trở lại đây rồi họ sẽ đưa ra hải đảo, ở đó họ sẽ chuyển qua tàu đánh cá Thái Lan, mỗi người hai lượng vàng, ba ngày nữa tàu sẽ ra khơi, nếu muốn đi thì lại đây. Nói xong ông ta cho một con cá to và hỏi tụi tôi đi ngay, vì ở đây lâu> không tiện để bị nghi ngờ.

Tôi và Long trở về hải cảng, trên đường đi thỉnh thoảng gặp các toán tuần tiểu của công an biên phòng, họ đi tuần tra dọc theo bờ biển. Chúng tôi giả vờ mò cua bắt cá trong các hốc kè đá, khi họ đi qua khỏi rồi thì tiếp tục đi. Đi bộ một đoạn đường khá xa chừng vài cây số. Khi về đến chỗ đậu xe thì thấy có gánh bán cơm, tôi đổi cho họ con cá để lấy hai đĩa cơm. Sau khi ăn xong, tôi bàn với Long và Nghĩa là tối nay phải vô ngủ ở trong hải cảng, vì sáng sớm đoàn xe sẽ chạy trở về Nam Vang, khi đó thì mình không còn có chỗ ẩn thân ở bên ngoài được. Long và Nghĩa thì có ý định trở lại Nam Vang, rồi trở về Việt Nam kiếm thêm tiền, vàng rồi trở qua đây, để đi theo mấy ghe tàu đánh cá. Riêng tôi thì tôi quyết tâm ở lại, kiếm chỗ ẩn náu quanh đây, may ra có dịp tìm đường đi, chớ quay trở lại Việt Nam thì không thể được. Tôi quyết tâm là sẽ đi tới mãi chớ không quay lui. Riêng Long và Nghĩa đều là lơ xe nên chuyện đi hay trở về đều không có gì là nguy hiểm cả.

Sau khi bàn tính một lúc thì Long và Nghĩa đồng ý ở lại vì thấy tôi quá quyết tâm. Chúng tôi mua ba ổ bánh mì và lấy theo một bình nước rồi vô trong hải cảng ngay, trước khi trời tối. Tôi đã để ý từ trước thấy có mấy goong xe lửa bỏ không ở một góc không có người lui tới. Vì vậy chúng tôi đợi đến khi trời tối, kín đáo lên vô trong toa xe đó và trốn luôn trong đó. Ngồi trong goong xe nhìn qua khe ván thấy đồn công an canh gác ở cổng cũng không xa lắm, vì vậy chúng tôi phải giữ gìn thật hết sức im lặng, đề phòng thật kỹ lưỡng. Trong những lúc nguy hiểm tôi thường cảnh giác thức suốt đêm, quan sát nghe ngóng mọi động tĩnh bên ngoài. Sợ khi ngủ hết, lỡ mà có người nào ngủ mở la hoảng hay phát ra tiếng ngáy thì nguy hiểm lắm.

Khi trời sáng hẳn, tiếng đoàn xe rời hải cảng để trở về Nam Vang. Lúc bấy giờ bên ngoài không còn người lui tới, không còn thấy bóng dáng tài xế hay lơ xe nữa, vì vậy chúng tôi phải ẩn mình cho thật kỹ. Chúng tôi nằm im trong toa xe lửa đó, buổi trưa trời nóng như thiêu, chúng tôi cởi trần, nhờ khe ván hở nên cũng không đến nỗi nào. Tôi chỉ sợ nếu có người muốn sử dụng goong xe này, họ đến kéo đi thì rất là nguy, chúng tôi sẽ bị

phát giác ngay. Cho đến chiều thì may quá có một đoàn xe khác xuống cùng vào đậu ở phía cổng như trước. Tôi mừng quá vì lại có dịp ra ngoài trà trộn với đám tài xế lơ xe mà không ai để ý. Và cũng vào khoảng 4, 5 giờ chiều hôm đó, bỗng đậu xuất hiện một chấm đen từ ngoài biển khơi đang tiến dần vô bờ, càng lúc càng lớn dần và sau cùng hiện rõ ra một chiếc tàu đang hướng vô hải cảng, rồi từ từ cặp vào bến đá.



Một chiếc thương thuyền quá lớn mang tên PEP STAR, đặc biệt là lá cờ trên tàu không phải là cờ đồ búa liềm, chắc chắn không phải là tàu cộng sản. Hơn nữa chữ PEP STAR có vẻ là tiếng Anh hơn là tiếng Nga. Sau khi tàu cặp bến xong xuôi, thấy có nhiều người đi lại gần chiếc tàu, khi đó tài xế và lơ xe ra vô tấp nập. Trời đã tối chúng tôi chui ra khỏi chỗ trốn và tìm cách lại gần chiếc tàu. Lúc đó có nhiều công nhân người Miên đang lên tàu, tôi liền hỏi người thủy thủ trên tàu họ cho biết là tàu của nước Đan Mạch, mà Đan Mạch là một nước ở Âu Châu, nên tôi yên trí chắc chắn không phải là một nước cộng sản, tôi mừng quá vì có thể xin tị nạn được.

Trong bóng tối chúng tôi ngồi ở xa xa nhìn lên chiếc tàu thấy công nhân người Miên lên xuống theo chiếc cầu sắt cặp sát bên hông tàu. Ở trên tàu ngay chỗ đầu cầu lên xuống có hai tên công an đang đứng canh gác kiểm soát mọi người lên xuống rất là kỹ lưỡng. Tôi tập trung quan sát mọi hoạt động trên tàu để tìm cách lên trốn lên tàu, nhưng rất là khó khăn vì hai tên công an đang canh gác quá kỹ. Nếu lờ lên tàu mà chúng bắt tại trận thì hết đường chối cãi chỉ có nước vô tù, mà riêng tôi thêm tội trốn trại nữa thì chắc chắn sẽ không tha. Kể từ khi chui ra khỏi hàng rào ở trại tù Tống Lê Chân cho đến bây giờ là tôi đã vượt được một quãng đường khá xa, đã ra khỏi nước và ra đến biển và con đường duy nhất là phải lên cho bằng được chiếc tàu này. Nhìn lên trên tàu mà thèm thường ước gì mình được trốn vô nằm trong chiếc thuyền cấp cứu đang treo lủng lẳng đong đưa trên đó thì quá kín đáo. Tôi cứ nhìn hoài, tàu này chở những chiếc xe truck, chỉ có phần đầu máy với cái sườn phía sau. Đây là những chiếc xe viện trợ nhân đạo của Liên Hiệp Quốc. Cần trục trên tàu đang hoạt động liên tục đang bốc hàng xuống, mỗi lần một chiếc xe, cho nên rất là nhanh. Theo tôi nghĩ thì trong đêm nay sẽ bốc hàng xong và ngày mai tàu sẽ đi, mà tàu của các nước Âu Châu thì hiếm khi vào hải cảng của nước cộng sản này.

Trời tối dần mà Long và Nghĩa thì cứ hồi thúc hoài, định leo đại theo dây cột tàu mà ra tàu. Nhưng đèn pha chiếu sáng khắp tứ phía thì làm sao mà leo ra được, mà làm sao thoát hết được ba đũa. Rồi Long lại tính đường nhảy xuống nước bơi qua bên kia thành tàu rồi tìm cách leo lên tàu. Tàu thì cao sừng sững đâu có dễ gì leo lên được, mà chung quanh đèn chiếu sáng choang, vừa nhảy xuống nước là bị bắn liền chứ đừng nói gì tới bơi ra tàu. Tôi cứ chờ đợi dịp thuận tiện, mắt tôi cứ dán sát vào hai tên công an đang đứng gác trên tàu, một tên mang súng AK47, còn một tên mang K54 có lẽ là cán bộ. Quan sát theo dõi họ thật kỹ để mong tìm một chút sơ hở, nhưng mỗi lần có ai lên tàu là nó chặn lại xét hỏi rất kỹ càng. Với lại mình không biết tiếng Miên, không giống người Miên, nên khó qua mặt được nó.

Bỗng dưng trời xui đất khiến hai tên công an này đồng lúc rời bỏ vị trí bước vô trong cabin tàu. Tôi vọt chạy lên tàu tức khắc kéo theo Long và Nghĩa. Khi lên được trên tàu chúng tôi chạy băng qua bên kia thành tàu và tìm chỗ ẩn trốn, thì khi đó hai tên công an lại trở ra canh gác như cũ, nhưng chúng chỉ nhìn về phía cầu thang lên xuống, chứ không để ý gì về phía chúng tôi. Tôi nhìn quanh quất không thấy có chỗ nào để ẩn thân, không thể chui vô đồng dây luột hay đồng cây gỗ bên cạnh đó, vì đầu đầu lòi đuôi không thể che dấu hết ba người. Nhìn xuống hầm tàu thì thấy nhân công Miên đang làm ở dưới đó và không thể lẫn quẩn ở đây lâu được vì thủy thủ hay công nhân Miên bắt chợt họ thấy họ sẽ nghi.

Ở trên tàu có hai cần trục một cần trục ở phía bên kia đang hoạt động liên tục, còn một cần trục phía gần bên tôi thì không hoạt động. Ở phía trên là phòng điều khiển bằng kiến, ở bên dưới là phòng máy, có một lỗ tròn vừa người chun vô, tôi liền thử chui vô rồi kéo Long và Nghĩa vô theo. Tôi cố ép sát người vô trong để vừa đủ chỗ cho ba đũa ẩn mình. Lần lần tôi dọn dẹp các lon dầu, đồ đạc dụng cụ để chui sâu vào trong. Nếu có ai bắt chợt đi ngang qua thì sẽ không thấy chúng tôi được, nhưng nếu ló đầu vô trong thì sẽ thấy ngay. Hơi yên tâm một chút, lúc đó chắc cũng vào khoảng 11, 12 giờ đêm. Cần trục bên kia vẫn còn đang tiếp tục hoạt động, độ một giờ sau thì chấm dứt. Sau đó công nhân lần lượt rời khỏi tàu, duy chỉ còn hai tên công an vẫn đi tới đi lui canh gác bên kia thành tàu. Sau đó nắp hầm tàu được đóng lại, nắp hầm tàu làm bằng những lá sách bằng sắt nó chạy từ trong ra ngoài nghe rền vang. Sau khi nắp hầm tàu đậy xong, bây giờ chúng tôi có thể chui vô

sâu thêm nằm trườn mình trên nóc hầm tàu và mọi sự trở lại vắng lặng hoàn toàn.

Tôi suy nghĩ, trước khi tàu rời bến chắc chắn công an biên phòng và quan thuế sẽ kiểm soát rất kỹ, cho nên tôi phải tìm chỗ trốn khác kín đáo hơn, chớ không thể trốn ở đây được. Lúc còn ở dưới nhìn kỹ mọi hoạt động trên tàu, tôi thấy thỉnh thoảng có thủy thủ lên xuống ở phía trước mũi tàu, như vậy phải có cầu thang lên xuống ở mũi tàu. Đợi đêm thật khuya vắng lặng, tôi dặn dò Long và Nghĩa từng người một lần lượt chui ra và phải chờ khi nào công an quay lưng lại thì mới cho chui ra. Bò theo thành tàu, bò ra phía trước mũi tàu để tìm cầu thang đi xuống hầm tàu. Trên tàu rất trống trải mà đèn thì sáng choang, do đó phải bò thật thấp để không thấy lộ hình lên trên nền trời. Sau cùng tôi đợi khi tên công an vừa xây lưng lại là tôi chui ra sau cùng, bò dọc núp dưới thành tàu đến gần mũi tàu thì thấy có một cửa nhỏ, tôi mở chốt cửa rồi chui vào trong, có một cầu thang bằng sắt hình khu ốc, tôi lần theo xuống.

Xuống đến hầm tàu thì tôi thấy Long và Nghĩa nằm dài ở đó. Đây là khoang tàu nơi chứa hàng, sau khi hàng bốc đi rồi thì trống trơn không có chỗ nào để ẩn thân, mấy cây cột bằng sắt cũng không lớn đủ để che thân. Tôi thấy trốn ở đây không được vì sẽ bị lộ ngay. Tôi lần theo cầu thang khu ốc để đi xuống nữa, thì khi xuống dưới đáy hầm tàu, tôi thấy có một đồng cây gỗ ở ngay mũi tàu, tôi mừng quá vì tìm được chỗ trốn tốt. Tôi sắp lại đồng cây gỗ để chừa ra một lỗ trống, đủ chỗ để cho ba đứa chui vào, xong rồi kéo thanh gỗ đẩy lại, trông giống như cũ, không có dấu vết gì khả nghi. Lúc đó chắc khoảng 3, 4 giờ sáng, tôi nằm im trong đó, không dám ngủ và dặn kỹ Long và Nghĩa phải giữ thật im lặng, không được thở mạnh hay ho hen.

Độ khoảng 6 giờ sáng, tôi nghe tiếng lộp cộp đi xuống cầu thang, họ quét đèn lên trên đồng cây, nhưng không thấy gì khả nghi, họ bỏ đi trở lên. Một lúc sau nữa tôi nghe tiếng còi tàu hú lên ba tiếng, tôi mừng quá vì “tàu souffler ba là tàu ra cửa biển”. Một hồi sau tôi nghe tiếng sóng nước rào rào ở mũi tàu, tôi chợt biết là tàu đã chạy. Vì đang ở mũi tàu nên tôi không nghe tiếng máy tàu, mà chỉ nghe tiếng sóng nước đập vào thân tàu nghe rào rào và càng lúc càng mạnh. Đến một hồi nữa nghe ầm ầm, tôi biết là tàu đang chạy nhanh, đang rẽ sóng ra khơi. Một hồi sau chúng tôi chui ra khỏi đồng cây gỗ.

Tôi định chờ một ngày một đêm rồi mới lên trình diện vì sợ nếu còn trong hải phận Kampuchia hay Việt Nam, thì họ có thể kêu tàu tuần đến bắt chúng tôi. Nhưng đến chiều thì Long bị ói mửa vì say sóng, càng lúc càng nặng, mặc dù trong bụng không còn thức ăn, chỉ ói ra nước, ói ra mật xanh. Sau cùng Long năn nỉ tôi phải lên trình diện, nếu không sẽ chết. Lúc đó tôi nghĩ là tàu đã chạy được khoảng 8, 9 tiếng đồng hồ, chưa được xa lắm, chắc là còn trong hải phận Việt Nam, nhưng vì Long năn nỉ quá, nên sau cùng tôi đành phải lên trình diện.

Một mình tôi lên trước, theo cầu thang khu ốc để lên và khi vừa chui ra khỏi cửa ở mũi tàu nhìn lên phía phòng lái bằng kính, tôi thấy người hoa tiêu đang nhìn xuống phía chỗ tôi, chỗ mũi tàu. Tôi tức tốc tìm cách đi thật nhanh lên đó ngay, vì sợ họ kêu tàu tuần đến bắt. Tôi đi thật nhanh, leo lên cầu thang lên tầng trên cùng và đi thẳng vô phòng lái. Thấy tôi vừa bước vô phòng hoa tiêu, ông ta nổi giận dậm chân đùng đùng, bấm còi báo động. Ông hỏi tôi là ai, làm gì vô đây. Tôi liền trả lời tôi là sĩ quan Việt Nam trốn từ trại tù ở Việt Nam sang Kampuchia và trốn xuống tàu hồi đêm qua, tôi xin được tị nạn. Nhờ tôi nói bằng tiếng Anh, mặc dù không được trôi chảy, nhưng cũng hiểu được phần nào. Lúc đó quần áo mặt mày tôi lem luốt dính đầy dầu nhờn, mặt cưa trông không giống ai. Tôi nói tiếp tên họ số quân của tôi và tôi đã học khóa Bộ Binh Cao Cấp tại trường Fort Benning, tiểu bang Georgia, Hoa Kỳ và xin ông vui lòng liên lạc với tòa đại sứ Mỹ nào gần đây thì sẽ xác định được lý lịch của tôi. Tôi xin ông một điều là nếu ông không nhận cho tôi tị nạn, thì xin ông bỏ tôi xuống biển, chớ đừng gọi tàu tuần đến bắt tôi, vì họ sẽ giết tôi.

Sau khi nghe tôi trình bày sự việc, tình hình bắt đầu lắng dịu, tôi liền nói thêm là hiện còn có hai người nữa còn đang trốn dưới hầm tàu. Ông ta lại nổi giận lên, kêu người đi xuống dẫn Long và Nghĩa lên. Long và Nghĩa được dẫn lên ngồi trong góc, trông rất thảm não, mặt mày xanh xao, quần áo lem luốc bẩn thỉu. Xong rồi ông Thuyền trưởng gọi báo về công ty, một lúc sau thì công ty chấp nhận cho chúng tôi tị nạn. Tôi mừng quá đỗi, coi như được sống lại và tôi có hỏi ông là hiện giờ tàu đang ở đâu, có còn trong hải phận Việt Nam không, thì ông chỉ cho tôi thấy một hòn đảo trông mờ mờ từ xa đó là đảo Thổ Chu của Việt Nam và ông cũng nói thêm rằng là kể từ bây giờ không ai có quyền lên tàu này để bắt chúng tôi lại, vì đây là tàu của Đan Mạch là đất nước Đan Mạch.

Một số thủy thủ đứng chung quanh, nghe thấy, dần dần họ có cảm tình với chúng tôi, họ đưa cho quần áo giày dép rồi dẫn chúng tôi đi tắm. Cho chúng tôi vô ở trong một căn phòng, đây là phòng của một ông kỹ sư đã đi phép. Trên giường nệm có hai tấm nệm tôi lấy một tấm đặt xuống sàn nằm ngả lưng xuống một cách thoải mái tuyệt trần. Một lúc sau chúng tôi được dẫn đi ăn, một bữa ăn thật tuyệt diệu trong đời, trong đó có cơm chiên dương châu và mấy khúc cá thu hấp rất thơm ngon chưa từng có. Đây là một bữa ăn tuyệt diệu nhất, tự do nhất, thoải mái nhất, mà tôi cảm thấy như được sống lại sau bao nhiêu ngày trốn tránh lang thang vất vả căng thẳng tột cùng, có đôi khi gần như tuyệt vọng. Sau khi ăn xong bữa cơm tuyệt diệu đó, chúng tôi được dẫn đi thăm viếng tàu. Trước hết đến phòng ông thuyền trưởng, ông rót rượu uống mừng cho chúng tôi đã thoát nạn cộng sản và chụp hình lưu niệm. Sau đó đi tiếp qua các phòng và được biết trên chiếc tàu này có nhiều người thuộc quốc tịch khác nhau như Hòa Lan, Đan Mạch, Ba Tây, Phi Luật Tân v.v.... Các thủy thủ trên tàu cho chúng tôi xem hình ảnh gia đình của họ và chuyện trò rất là thân mật, thật là hết sức lịch sự và đầy tình nhân ái. Nghĩa có mang theo một số tiền Việt Nam không còn xài được nữa, nên mới đưa cho các thủy thủ. Họ rất tốt bụng đã cho lại chúng tôi mỗi người 20 US dollars và chọn cho chúng tôi mỗi đứa một bộ đồ vừa vặn đẹp để mặc khi lên bờ.

Chúng tôi được cho lên phòng hoa tiêu để ngắm nhìn hoàng hôn trong buổi chiều tàn, nhìn mặt trời lặn trong cảnh nước trời bao la, thật là tuyệt đẹp, mà tưởng chừng như trên chốn bồng lai tiên cảnh nào vậy, trong khi con tàu đang lướt sóng thật êm đềm. Đây là một chiếc thương thuyền rất lớn nên chạy thật là êm ái, khác xa với cảnh tượng của những chiếc ghe vượt biên bé nhỏ, chở đầy người, bập bênh trên biển cả mênh mông, sóng gió hãi hùng, và còn phải lo sợ bị hải tặc hãm hiếp, cướp của giết người thật là ghê rợn.



Buổi tối hôm sau tàu tiến vô một hải cảng với muôn ngàn ánh đèn rực rỡ, trong một vùng vịnh bao la, với vô số thương thuyền tàu bè đủ loại, trông thật hùng vĩ huy hoàng tráng lệ. Đó là hải cảng Singapore. Theo thủ tục của luật di trú thì chúng tôi phải vô trong phòng và thuyền trưởng sẽ khóa cửa lại, để giữ chúng tôi trong đó. Tuy nhiên nếu có cần gì thì cứ gọi, thỉnh thoảng có người đến thăm chừng, thật là hết sức lịch sự tử tế và chu đáo vô cùng. Chừng vài tiếng đồng hồ sau thì có hai nhân viên của sở di trú Singapore đi xuống máy ra lên tàu và mở khóa cửa phòng, thăm vấn chúng tôi và làm thủ tục giấy tờ, xong rồi họ đi ngay. Sau đó thì có một phái đoàn của Cao Ủy Tị Nạn Liên Hiệp Quốc,

UNHCR, xuống phỏng vấn và làm thủ tục. Tôi trình bày bằng tiếng Anh, nhưng bất ngờ người đó trả lời bằng tiếng Việt và bảo tôi cứ nói bằng tiếng Việt Nam được rồi. Tôi mừng quá vì được gặp người đồng hương, sau này tôi được biết đó là cô Bích làm việc trong văn phòng Cao Ủy Tị Nạn ở Singapore. Khi làm thủ tục giấy tờ, và trong nguyện vọng xin đi định cư nước nào, thì tôi xin được đi Mỹ, vì hiện tôi có một đứa em đang ở Mỹ, và tôi cũng đã từng du học ở Mỹ, nên nghĩ rằng sẽ được cứu xét dễ dàng hơn.

Chúng tôi ngủ thêm một đêm trên tàu và sáng hôm sau thì có người của Cao Ủy Tị Nạn ra đón ba đứa tôi lên bờ, tôi còn nhớ đó là cô Robin, người nước New Zealand. Sau một thời gian 22 ngày đêm vượt thoát từ trại tù Tổng Lê Chân, nay tôi được đặt chân lên một đất nước tự do là nước Singapore vào ngày 27 tháng 6 năm 1980. Chúng tôi được đưa về tạm trú ở khách sạn YMCA. Ở đây hiện có chừng mười người Việt Nam tị nạn cũng mới đến chừng vài ngày trước và họ giao nhiệm vụ cho tôi làm thông dịch viên. Điều đầu tiên là tôi ra Bưu điện để đánh điện tín về Việt Nam cho gia đình tôi biết tin. Vì có tiền 20 dollars nên tôi gọi taxi ra Bưu điện và gửi điện tín về cho vợ tôi với nội dung như sau: "Đã giải phẫu xong bình an", đó là câu mật hiệu để cho vợ tôi biết là tôi đã thoát nạn và đã đến nơi an toàn. Điện tín này đã đến nhà tôi vào ngày 30 tháng 6 năm 1980. Vợ tôi hết sức vui mừng khi nhận được điện tín này, phân vân không biết Singapore là nước nào ở đâu. Vợ tôi liền đi xuống Mỹ Tho để báo tin mừng và vô Trung Lương, nơi đất hương quả mồ mã tổ tiên để cúng tạ.

Chúng tôi ở khách sạn YMCA vài ba ngày để làm thủ tục. Buổi chiều rảnh rỗi chúng tôi dắt nhau ra chợ Tàu. Đi bộ chừng 15 phút là đến, một dãy kiosks quán ăn rất là đông vui và ngon miệng. Long biết nói tiếng Tàu nên rất dễ giao tiếp. Ở Singapore 80% là người Hoa, còn lại là người Ấn và người Mã Lai. Sau đó chúng tôi được đưa vào Trại Tị nạn Sambawang, còn gọi là trại Hawkins. Khi vừa bước vô văn phòng trại tị nạn, tôi chợt thấy lá cờ vàng ba sọc đỏ thật lớn treo trên tường mà lòng hân hoan vui mừng quá độ. Tôi và nhóm người mới tới đều vui mừng sung sướng đến rơi nước mắt, được hôn lên Lá Cờ Quốc Gia Dân Tộc và biết chắc rằng mình đã thật sự thoát khỏi ngục tù cộng sản và đã đến được bến bờ tự do.



Chúng tôi được lãnh tiền trợ cấp mỗi người 2.50 đồng một ngày, một đồng Singapore lúc đó trị giá vào khoảng 0.8 dollar Mỹ. Ngoài ra còn được phát mỗi người một chiếc chiếu, và cứ 6 người thì được phát một cái lò nấu ăn. Đây là một trại lính với nhiều tòa nhà có hai tầng khung trảng, trại viên trải chiếu trên sàn gạch rất mát mẻ sạch sẽ, không có ruồi muỗi. Phía ngoài là sân cỏ, được giữ gìn chăm sóc cắt xén rất đẹp như một tấm thảm xanh. Cuộc sống ở trại tị nạn này rất là thoải mái, có khu chợ nhỏ ngay trong trại, đa số là người Ấn độ, bán đủ loại thực phẩm, rau cải, trái cây, đặc biệt là trái sầu riêng ở đây có rất nhiều. Ở ngoài vòng rào và cách trại chừng vài trăm thước, có một con rạch rất lớn, có nhiều cá, nhứt là cá rô Phi. Có người chui rào ra, lưới được rất

nhiều cá, đem về bán chui qua các nhà.

Những người được đưa về trại này thường là chỉ được tạm trú ở đây khoảng 3 tháng, để làm thủ tục đi định cư, hoặc là những người từ trại đảo Galang đưa đến chờ máy bay để đi định cư. Hàng ngày công việc của trại là theo dõi tin tức phát thanh trên loa, để biết khi nào được gặp phái đoàn để được phỏng vấn và khám sức khỏe. Khi mới đến trại khai hồ sơ lý lịch, vì tôi đã từng du học bên Mỹ nên được Ban Chỉ huy trại giao nhiệm vụ làm Thông dịch viên. Công việc thường ngày của tôi là giúp thông dịch nếu có phái đoàn vô trại. Còn không thì phải đưa người đi ra các toà Đại Sứ Anh, Mỹ, Úc v.v...Hoặc đưa người đi bệnh viện, để khám sức khỏe để đi định cư. Ở trong trại cũng có bệnh xá để điều trị các bệnh nhẹ thông thường như ho, đau bụng, nhức đầu, nóng lạnh v.v...Lúc đó có Bác sĩ Rạng trách nhiệm bệnh xá, ông cũng là người tị nạn và trước kia ông từng là bác sĩ của Bệnh viện 3 Dã chiến ở Phú lợi Bình Dương.

Ở trong trại tôi thấy có nhiều hoàn cảnh rất là thương tâm. Có nhiều người mất vợ mất con mất cha mất chồng trên đường vượt biển. Như có một ông bác sĩ, tôi nhớ mang máng tên là Phùng, Bác sĩ Phùng, ông bị khủng hoảng tinh thần gần như điên loạn, vì cả gia đình vợ con đều bị chết. Tôi thấy ông cứ đi lang thang nói nhảm suốt cả ngày. Vì ông mắc bệnh tâm thần như vậy nên không được phái đoàn nào phỏng vấn, rồi không biết sau này ra sao.

Sau khi đến trại được một tuần, tôi liền gửi gói quà nhỏ đầu tiên về cho gia đình, trong đó có vài thước vải đen, chai dầu xanh và kẹo bánh. Ba tháng sau vào tháng 10 năm 1980 thì tôi được đi định cư qua Mỹ. Long và Nghĩa thì được định cư ở Đan Mạch. Với lòng tri ơn sâu xa, tôi xin ghi lòng tạc dạ công ơn cứu tử của thuyền trưởng và toàn thể thủy thủ đoàn trên chiếc thương thuyền Pep Star, thuộc công ty hàng hải của nước Đan Mạch, đã cứu vớt tôi và giúp cho tôi thoát khỏi ngục tù cộng sản và cho tôi đến được bến bờ tự do. Đây quả là một công ơn quá lớn lao mà suốt đời tôi không bao giờ quên được. Tôi cũng không bao giờ quên nghĩa cử cao đẹp, đầy lòng nhân đạo của Cơ quan Tỵ nạn Liên Hiệp Quốc UN/HCR và dân tộc các nước trên thế giới, đã mở rộng vòng tay cứu vớt, trợ giúp và cứu mang chúng tôi, những người tị nạn trốn chạy khỏi chế độ cộng sản bạo tàn phi nhân bản.

Sau khi đến Hoa Kỳ được một năm thì tôi được vào quy chế thường trú, năm năm thì được vào quốc tịch. Ngay khi đến Hoa Kỳ, tôi lo ngay việc nộp đơn xin bảo lãnh gia đình qua chương trình ODP và 9 năm sau thì vợ tôi và ba đứa con đã đến được Hoa Kỳ. Sau hơn 14 năm xa cách kể từ ngày 30 tháng 4 năm 1975, ngày miền Nam rơi vào tay cộng sản, nay gia đình tôi được đoàn tụ lại như xưa, đã thoát khỏi gông cùm cộng sản và được sống trên quê hương mới đầy lòng nhân ái bao dung. Đây quả như là một phép lạ do Ông Trên ban phúc cho.

Nguyễn Ngọc Thạch, K20 VBĐL